**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**



**BÀI TẬP LỚN**

Phân tích những biểu hiện mới về kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại.



**Nhóm 2**

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Lớp: Kinh tế chính trị Mác-lenin**

**Năm học: 2021-2022**

***Ngày 16 tháng 11 năm 2021***

MỤC LỤC

|  |
| --- |
| Nội dung Trang  Lời nói đầu ……………………………………………………………………………… 2  1.Sự phát triển nhảy vọt về sản xuất…………………………………………………….. 2  2.Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức…… 3  3.Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp…………………………………. 4 |
| 4.Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn ………… 5  5. Điều tiết kinh tế vĩ mô ………………………………………………………………….. 6   * 1. khái niệm………………………………………………………………………………. 6   5.2Mục tiêu chính sách điều tiết vĩ mô: ổn định nền kinh tế, tăng trưởng nền kinh tế…….. 7  6.Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế……………………………………........ 9  7.Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường………………………………………….. 9  8. Kết luận………………………………………………………………………………….. 10  **Đề bài** |

Phân tích những biểu hiện mới về kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

**Bài làm**

**Lời nói đầu**

Trong lịch sử hơn 400 năm từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa tư bản đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đến chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và ngày nay là chủ nghĩa tư bản hiện đại trong thời đại toàn cầu hóa. Trong mọi giai đoạn phát triển, chủ nghĩa tư bản đều mang trong mình những thuộc tính chung, cơ bản, tạo nên bản chất của chủ nghĩa tư bản, phân biệt chủ nghĩa tư bản với các chế độ xã hội khác (hay các hình thái kinh tế - xã hội khác). Đồng thời, trong mỗi giai đoạn phát triển, chủ nghĩa tư bản lại có những đặc điểm riêng, những biểu hiện mới cả trong lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả trong cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại có đặc điểm lớn so với tất cả các giai đoạn phát triển trước đây là trình độ phát triển rất cao của lực lượng sản xuất, trình độ khoa học công nghệ rất cao của các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế. Các nước tư bản phát triển, như Mỹ, các nước Tây Âu, Nhật Bản là những nước đi đầu trong nghiên cứu phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đi đầu trong các lĩnh vực điện tử, tin học, thông tin, viễn thông, phát triển Internet, trí tuệ nhân tạo, công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ sinh học... làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, chất lượng, hiệu quả của những ngành kinh tế truyền thống và tạo nên nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều sản phẩm mới, công nghệ cao, có giá trị gia tăng, mức cạnh tranh cao. Ngày nay, các nước tư bản phát triển cũng đang đi đầu trong việc phát triển nền kinh tế số, kinh tế tri thức, nền kinh tế thông minh với các ngành công nghiệp thông minh, nông nghiệp, dịch vụ thông minh, hệ thống giao thông, năng lượng, thông tin thông minh, hệ thống phân phối thông minh... Sự phát triển của lực lượng sản xuất trên nền tảng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đã nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ra tiềm năng cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Các nước tư bản phát triển trở thành các trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học công nghệ của thế giới, có quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới. Đó là những điểm mạnh và quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Dưới đây chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về những biểu hiện mới về nền kinh tê tư bản hiện đại, để làm sáng rõ để có một nền kinh tế phát triển, chúng ta cần tìm hiểu những điều mới ấy, là cơ sở là tiền đề cho một xã hội phát triển không ngừng nghỉ như hiên nay.

**1.Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất**

- Thứ nhất, cách mạng công nghệ thông tin và công nghệ cao phát triển mạnh mẽ. Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, trở thành ngành lớn nhất và ngành tăng trưởng nhanh, nhất là vào nửa cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Cùng với sự lan rộng trên toàn cầu của cách mạng công nghệ thông tin, các ngành công nghệ cao mới khác như sinh học, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới, hàng không vũ trụ... cùng đang phát triển mạnh mẽ. Sự tiến bộ và những bước đột phá của khoa học kỹ thuật đã mở ra không gian rộng lớn mới cho sự phát triển của sức sản xuất.

- Thứ hai, giáo dục - đào tạo được tăng cường làm cho tố chất công nhân được nâng cao, từ đó đặt nền móng vững chắc cho việc nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh

**2.Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức**

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất diễn ra 200 năm trước, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp, cách mạng công nghệ thông tin hiện nay đang thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.

Trong kinh tế tri thức, vai trò của tri thức (và kỹ thuật) đã cao hơn các yếu tố như nguồn tài nguyên tự nhiên và vốn, trở thành yếu tố sản xuất quan trọng nhất. Vận hành của kinh tế tri thức chủ yếu không còn do người lao động cơ bắp thao tác máy móc mà chủ yếu do những người lao động trí óc trong các ngành thiết kế, nghiên cứu phát triển cũng như truyền bá tri thức thúc đẩy.

Cùng với sự chuyển đổi loại hình kinh tế, kết cấu ngành nghề của chủ nghĩa tư bản cùng được điều chỉnh và nâng cấp hơn, chuyển sang dịch vụ hóa và công nghệ cao hóa.

Điều này thể hiện ở chỗ: trong ba ngành nghề lớn, vị trí của nông nghiệp hạ thấp vị trí của dịch vụ, đặc biệt là ngành dịch vụ có liên quan đến công nghệ mới được tăng lên

**3.Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp**

- Thứ nhất, quan hệ sở hữu cũng có những thay đổi, biểu hiện nổi bật là sự phân tán quyền nắm cổ phiếu tăng lên. Phân tán hóa quyền khống chế cổ phiếu có lợi cho cải thiện quan hệ giữa chủ xí nghiệp và công nhân. Nhưng trên thực tế, công nhân là cổ đông nhỏ, không thể cùng với nhà tư bản phân chia quyền lực, nên phân tán hóa quyền khống chế cổ phiếu cũng không thể làm thay đổi địa vị làm thuê của người lao động.

- Thứ hai, kết cấu giai cấp cũng đã có những biến đổi lớn, các giai cấp, tầng lớp, đoàn thể xã hội và tập đoàn cùng tồn tại và tác động lẫn nhau. Nổi bật nhất là sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu (hay còn gọi là giai cấp trung sản), chiếm khoảng 40-50% dân số. Trên thực tế, phần lớn trong số này có cổ phiếu hoặc một phần vốn, rất nhiều trong số họ là phần tử tri thức hoặc nhân viên chuyên ngành, có địa vị nghề nghiệp khá tốt, đã không còn là giai cấp vô sản theo quan niệm truyền thống nữa.

Thứ ba, cùng với sự tăng trưởng của sản xuất và sợ điều chỉnh về quan hệ sản xuất, thu nhập bằng tiền lương của người lao động cũng có được mức tăng trưởng khá lớn.

Tất cả những điều này cho thấy, mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại nhưng nhờ những điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản về quan hệ sản xuất, mà bắt nguồn từ những thay đổi trong quan hệ sở hữu, nên đã phần nào xoa dịu được tính gay gắt của mâu thuẫn này. Những điều chỉnh đó nói lên rằng chủ nghĩa tư bản muốn tồn tại và phát triển cũng phải lo giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyế mối quan hệ giữa tư bản và lao động, song song với sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất và cuộc đấu tranh bền bỉ của giai cấp công nhân.

**4.Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn**

Trong điều kiện mới của cách mạng khoa học kỹ thuật và kinh tế tri thức, thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ các doanh nghiệp đã thực hiện các bước điều chỉnh và cải cách lớn.

- Thứ nhất, doanh nghiệp cải cách cơ chế quản lý, thiết lập cơ cấu tổ chức hàng ngang và mạng lưới. Phương hướng cải cách là xóa bỏ hệ thống kiểu kim tự tháp truyền thống như tập trung quá lớn quyền lực, đa tầng thứ và theo chiều dọc, thay thế bằng hệ thống kiểu mạng lưới phân quyền, ít tầng thứ và theo chiều ngang nhằm giảm bớt khâu trung gian, thông tin thuận lợi, đơn giản trình tự quyết sách, phát huy đầy đủ tính chủ động và trách nhiệm của toàn thể công nhân nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

- Thứ hai, dùng công nghệ cao cải cách cơ chế quản lý sản xuất. Để thích ứng với những thay đổi từ thể chế sản xuất theo "đơn đặt hàng", doanh nghiệp thiết lập hệ thống sản xuất linh hoạt, hệ thống sản xuất bằng máy tính, chế độ cung cấp thích hợp và cơ chế phát triển theo nhu cầu (tức khâu sản xuất càng gần gũi với khách hàng hơn). Ví dụ, hiện nay các doanh nghiệp đã áp dụng hệ thống quản lý đơn hàng là một phần mềm giúp doanh nghiệp theo dõi và quản lý toàn bộ hành trình của các đơn hàng. Thông qua hệ thống, người quản lý có thể xử lý các yêu cầu đặt hàng của khách hàng, quản lý hàng tồn kho, tạo danh sách hàng hoá, phiếu đóng gói, quản lý trạng thái vận chuyển và thanh toán đơn hàng.

-Thứ ba, thực hiện cải cách quản lý lao động lấy con người làm gốc, yêu cầu đối với công nhân chủ yếu không phải là điều kiện thế lực mà là phải có kỹ năng và tri thức cao hơn để họ phát huy tính chủ động và tính sáng tạo, từ đó nâng cao năng suất lao động và tăng cường thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Ví dụ các doanh nghiệp căn cứ vào nhu cầu thực tế để thiết lập những nội dung và hình thức đào tạo cho phù hợp. Qua đó nâng cao lòng yêu nghề và tay nghề của người lao động.Bảo đảm đãi ngộ và phúc lợi cho người lao động, tạo cho họ môi trường làm việc tốt và có cơ hội, không gian phát triển. Trong quá trình quản lý phúc lợi là vấn đề chủ yếu níu giữ người lao động. Một môi trường làm việc vui vẻ, hài hòa, an toàn là điều mở ước của mọi người lao động và cũng là điều kiện khích lệ người lao động làm việc.

- Thứ tư, thay đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp xuất hiện xu thế hai loại hình lớn hóa và nhỏ hóa cùng hỗ trợ nhau tồn tại. Các doanh nghiệp lớn đã không ngừng mở rộng ưu thế về quy mô, tăng cường sức mạnh thị trường của công ty. Đồng thời, các doanh nghiệp nhỏ linh hoạt hơn, có tinh thần sáng tạo hơn cũng được phát triển mạnh mẽ, làm cho kinh tế tư bản chủ nghĩa có sức sống và hiệu quả cao.

**5. Điều tiết kinh tế vĩ mô**

* 1. **Khái niệm**:

- Công cụ quản lý vĩ mô được hiểu là những phương tiện kinh tế, hành chính, pháp lý được Nhà nước sử dụng để quản lý, điều tiết hoạt động kinh tế, xã hội. Mỗi một lĩnh vực, giai đoạn và tính chất khác nhau mà Nhà nước sẽ áp dụng công cụ quản lý phù hợp với tình hình thực tế để đem lại hiệu quả tốt nhất cho nền kinh tế nước nhà và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Hiện nay, thị trường kinh tế nước ta đang được điều phối theo những công cụ quản lý vĩ mô được Nhà nước sử dụng rộng rãi, phổ biến và triệt để nhằm tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế được diễn ra theo đúng quy luật tự nhiên của thị trường.

* 1. **Mục tiêu chính sách điều tiết vĩ mô: ổn định nền kinh tế, tăng trưởng nền kinh tế**

Thứ nhất: Mức sản lượng quốc dân cao và không ngừng tăng.

Mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh tế là cung cấp hàng hoá và dịch vụ mà nhân dân mong muốn. Thước đo toàn diện nhất của tổng sản lượng trong một nền kinh tế là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) – Là thước đo theo giá thị trường tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra tại một nước trong một nãm.

- Có hai chỉ tiêu GDP:

· GDP danh nghĩa được xác định theo giá thị trường nảm hiện hành.

· GDP thực tế được xác định theo giá thị trường năm gốc hay giá cố định.

GDP thực tế là thước đo tốt nhất hiện có về quy mô và tăng trưởng của mức sản lượng, nó được xem như mạch đập được giám sát chặt chẽ của nền kinh tế quốc dân. Những nền kinh tế tiên tiến nói chung đều thể hiện một sự tăng trưởng nhanh của GDP thực tế trong dài hạn và mức sống được cải thiện.

GDP tiềm nãng: là xu hướng dài hạn của GDP thực tế. Nó thể hiện năng lực sản xuất dài hạn của nền kinh tế hay là mức sản lượng tối đa của một nền kinh tế có thể đạt được mà vẫn duy trì được giá cả ổn định, thất nghiệp thấp. VI vậy, sản lượng tiềm năng đôi khi còn được gọi là mức sản lượng toàn dụng lao động.

Thứ hai: Việc làm nhiều và thất nghiệp thấp

Mục tiêu quan trọng tiếp theo là mức hữu nghiệp cao, hay tương ứng với nó là thất nghiệp thấp. Mọi người đều mong muốn có khả năng tìm được việc làm ổn định với mức thu nhập cao mà không phải tìm hoặc chờ đợi quá lâu.

Tỷ lệ thất nghiệp là tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động không có việc làm (lực lượng lao động bao gồm tất cả những người có việc làm và những người thất nghiệp đang tìm kiếm việc làm).

Thực tế ngày nay cho thấy mục tiêu đảm bảo việc làm đầy đủ cho tất cả mọi người lao động thật khó mà thực hiện được bởi vì tỷ lệ công ăn việc làm cao không đơn thuần là một mục tiêu kinh tế.

Thứ ba: Ổn định giá cả

Mục tiêu tiếp đến của kinh tế vĩ mô là duy trì giá cả ổn định trong phạm vi thị trường tự do. Trên thị trường tự do, giá cả được xác định bởi quy luật cung cầu trong một mức độ lớn nhất có thể được và chính phủ tránh không kiểm soát giá cả của từng mặt hàng riêng lẻ. Đồng thời, ngăn chặn không cho mức giá chung lên xuống quá nhanh vì sự thay đổi đột ngột của giá sẽ bóp méo các quyết định kinh tế của các hãng và cá nhân.

Thước đo phổ biến nhất của mức giá chung là chỉ số giá tiêu dùng (viết tắt là CPI). Sự thay đổi trong mức giá gọi là tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ này ghi nhận lại tốc độ tăng (giảm) của mức giá từ năm này sang năm khác.

Nói chung, hầu hết các quốc gia đều tìm kiếm một cách dung hoà mỹ mãn giữa việc định giá theo thị trường tự do với xu hướng tăng lên dần của giá cả, coi đó là phương thức tốt nhất để hệ thống giá hoạt động một cách có hiệu quả.

Có thể tóm tắt các mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô như sau:

· Mức sản ĩượng quốc dân cao và không ngừng tăng lên.

· Mức hữu nghiệp cao hay thất nghiệp thấp.

· Mức giá ổn định hoặc tâng vừa phải, trong đố giá cả và tiền Ỉươỉĩg được xác định bởi cung cầu trên thị trường tự do.

1. **Các công cụ chính sách điều tiết vĩ mô:**

Chính sách tài khoá

Là chính sách mà chính phủ sử dụng hai công cụ thuế và chi tiêu của chính phủ để điểu tiết vĩ mô nền kinh tế.

Việc thay đổi thuế một mặt làm thay đổi thu nhập của dân chúng, mặt khác có thê tác động đến giá cả hàng hoá và dịch vụ.

Thay đổi chi tiêu một mặt làm ảnh hưởng đến tổng chi tiêu của toàn xã hội, mặt khác cũng có thề làm thay đổi thu nhập của dân chúng thông qua các khoản trợ cấp. Thu nhập của dân chúng thay đổi, đến lượt nó lại làm thay đổi tiêu dùng, từ đó gây ảnh hưởng đến sản lượng, giá cả, công ãn việc làm.

Mục tiêu chủ yếu của chính sách tài khoá trong ngắn hạn là phấn đấu làm giảm biên độ giao động của chu kỳ kinh doanh. Do đó làm cho nền kinh tế ổn định hơn, chống lại tình trạng suy thoái, thất nghiệp và lạm phát.

Chính sách tiền tệ

Là chính sách chính phủ sử dụng hai công cụ là mức cung tiền và lãi suất nhằm tác động trực tiếp vào đầu tư tư nhân, điều tiết nền kinh tế thông qua hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Sự thay đổi mức cung tiền sẽ ảnh hưởng đến lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán. Từ đó ảnh hưởng đến đầu tư, tổng cầu, san lượng, việc làm, giá cả của nền kinh tế.

Chính sách thu nhập

Là chính sách bao gồm hàng loạt các biện pháp mà chính phủ sử đụng nhàm tác động trực tiếp đến tiền công, giá cả để kiềm chế lạm phát.

Lý thuyết lạm phát chính thống phát biểu rằng, chúng ta có thể ngăn chặn lạm phát gia tãng chỉ bằng cách giữ cho tỷ lệ thất nghiệp không được giảm thấp hơn tỷ lộ tự nhiên. Hơn nữa, chúng ta cũng đã biết là xã hội phải trả một giá cao dưới dạng sản lượng và việc làm bị mất đi để duy trì sự ổn định giá. Ví du: Nước Mỹ trong giai đoạn 1980 – 1984 các nhà kinh tế đã tính được là cứ giảm được 1% lạm phát thì GDP bị mất là 150 tỷ USD. Một số nhà kinh tế thấy rằng kết luận này quá bi quan và đi tìm những cách kiềm chế lạm phát ít tốn kém hơn.

Một loạt các chính sách được gọi là những chính sách thu nhập – là những hành động của chính phủ cố gắng trung hoà lạm phát bằng những biện pháp trực tiếp hoặc bằng cách thuyết phục, hoặc là kiểm soát bằng pháp luật hay những khuyến khích khác, về bản chất thì những chính sách không chính thống này cố gắng làm dịch chuyển đường Phillips sang trái.

Chính sách kinh tế đối ngoại .

Chính sách này bao gồm chính sách ngoại thương và quản lý thị trường ngoại hối.

Chính sách ngoại thương nhằm khuyến khích hoặc hạn chế xuất nhập khẩu thông qua các công cụ như thuế quan, quota…

Chính sách quản lý thị trường ngoại hối bắt đầu từ sự lựa chọn cơ chế tỷ giá hối đoái đến việc chủ động thay đổi tỷ giá hối đoái để tác động vào hoạt động chung của toàn bộ nền kinh tế.

Tóm lại: Một quốc gia có nhiều cách lựa chọn các công cụ chính sách để theo đuổi các mục tiêu kinh tế vĩ mô. Các công cụ chủ yếu là:

· Chính sách tài khoá bao gồm chi tiêu của chính phủ và thuế. Chi tiêu của chính phủ ảnh hưởng đến quy mô tương đối của tiêu dùng công cộng so với tiêu dùng cá nhân. Thuế sẽ lấy đi một phần thu nhập và làm giảm tiêu dùng cá nhân, hơn nữa nó còn tác động đến đầu tư và sản lượng tiềm năng. Chính sách tài khoá tác động đến tổng chi tiêu và do đó đến GDP thực tế và lạm phát.

· Chính sách tiền tệ: Bao gồm những quyết định về mức cung tiền. Thay đổi trong mức cung tiền sẽ làm thay đổi lãi suất, ảnh hưởng đến chi tiêu trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh, nhà cửa…Chính sách tiền tộ ảnh hưởng mạnh đến cả GDP thực tế và GDP tiềm năng.

· Chính sách thu nhập: Là những nỗ lực của chính phủ nhằm trung hoà lạm phát bằng cách can thiệp trực tiếp, có thể bằng cách đàm phán thuyết phục hay bằng sự kiểm soát giá và tiền công vói sự cho phép của pháp luật.

· Chính sách kinh tế đối ngoaị: Nhằm ổn định tỷ giá hối đoái và giữ cho thâm hụt của cán cân thanh toán ở mức có thể chấp nhận được thông qua các chính sách thương mại, quản lý ngoại hối và sự phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô với các nước khác.

**6.Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế**

- Các công ty xuyên quốc gia (TNC) là các công ty tư bản độc quyền bành trướng thế lực ra nước ngoài dưới hình thức cài cắm nhanh. Hiện tại, các công ty xuyên quốc gia được nhà nước ở các nước tư bản chủ nghĩa nâng đỡ, thông qua đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trên quy mô lớn,

- Các công ty xuyên quốc gia mua và thôn tính các tài sản ở nước ngoài, không ngừng tăng cường thực lực, mở rộng thị phần. Cùng với sự phát triển nhanh của toàn cầu hóa kinh tế, ngày càng nhiều xí nghiệp trong nước trở thành công ty xuyên quốc gia. Dựa vào thực lực hùng hậu của bản thân, các công ty xuyên quốc gia đã trở thành lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế và chủ nghĩa tư bản độc quyền liên quốc gia phát triển. Do có thực lực kinh tế, chính trị hùng mạnh, hệ thống sản xuất, tiêu thụ,dịch vụ, nghiên cứu khoa học, thông tin toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia đã có tác động lớn đến các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và thế lực của họ đã thâm nhập các lĩnh vực trên toàn thế giới.

**7.Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường**

**Khái niệm:**

+/Điều tiết là: làm cho công việc, kế hoạch, v.v. được hợp lí, không có tình trạng chênh lệch hoặc mất cân đối điều tiết sản xuất điều tiết thị trường +/Phối hợp là: Bố trí cùng nhau làm theo một kế hoạch chung để đạt một mục đích chung.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhà nước của các quốc gia tư bản chủ nghĩa ngày càng chú trọng phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô. Vì vậy, những xung đột kinh tế như chiến tranh mậu dịch, chiến tranh tỷ giá hối đoái, chiến tranh lãi suất mà trước đây thường có giữa các nước phương Tây đã giảm xuống. Việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước phương Tây đã giảm xuống và thường áp dụng hình thức thương lượng thỏa hiệp chứ không đối kháng gay gắt như trước. Những năm gần đây, phối hợp và hợp tác quốc tế được tăng cường rõ rệt, hiệu quả cũng không ngừng được nâng cao. (Ví dụ như: sự phối hợp giữa các nước tư bản về chính sách tài chính, tiền tệ sau "sự kiện 11-9-2001", sự phối hợp giữa Mỹ, EU và Nhật Bản để tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng tài chính tiền tệ trên quy mô toàn cầu năm 2008). Vai trò của các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế phát huy tác dụng ngày càng nổi bật khi điều tiết quan hệ kinh tế quốc tế và trở thành một trong những chủ thể mới điều tiết quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa (chẳng hạn Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tham gia một cách toàn diện vào công việc cứư viện trong khủng hoảng lái chính châu Á đã giúp các nước hội viên khắc phục khó khăn tạm thời về thu chi tài chính quốc tế). Tăng cường điều tiết và phối hơp quốc tế có vai trò không thể xem nhẹ trong việc xoa dịu mâu thuẫn bên trong và bên ngoài các nước tư bản chủ nghĩa, tạo không gan phát triển rộng lớn hơn cho chủ nghĩa tư bản.

**8.Kết luận**

Chủ nghĩa tư bản ngày nay, với những thành tựu đáng kể của nó, là sự chuẩn bị tốt nhất những điều kiện tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Tuy nhiên, bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Còn cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra bằng phương pháp hòa bình hay bạo lực, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể của từng nước và bối cảnh quốc tế chung trong từng thời điểm, vào sự lựa chọn của các lực lượng cách mạng.

Theo đó, với Việt Nam chúng ta cũng cần đẩy mạnh việc nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về thế giới đương đại. Ngày nay, tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới diễn biến, thay đổi hết sức nhanh chóng, phức tạp; rất nhiều yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng, của nhân loại nói chung, như biến đổi khí hậu, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa, ô nhiễm, nghèo đói, dịch bệnh, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản... Cần phải được nghiên cứu, đánh giá để hiểu đúng, đầy đủ về chủ nghĩa tư bản hiện đại, dự báo đúng xu hướng vận động phát triển của nó và rút ra những bài học, kinh nghiệm bổ ích cho sự phát triển kinh tế đất nước.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu về mô hình Xô viết của chủ nghĩa xã hội trong hơn 70 năm tồn tại; đánh giá đúng những thành công và thất bại, những đóng góp và ảnh hưởng của nó trong lịch sử, nhất là nguyên nhân dẫn tới sụp đổ; những bài học lịch sử, những vấn đề nhận thức lý luận rút ra từ sự tồn tại, phát triển, thành công và thất bại của mô hình này.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trên cơ sở đó từng bước xây dựng, hình thành lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế phát triển thấp, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như nước ta.

Làm tốt những nhiệm vụ này sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, nhân dân ta, cho việc bảo vệ, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sẽ là một sự đóng góp có ý nghĩa của Việt Nam cho phong trào cách mạng của nhân dân thế giới.